

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 6 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Linh.

2. Ông Nguyễn Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 00, ấp A N, xã Đ A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh H, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 00, ấp B H A, xã B T T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T với anh H quen biết nhau qua mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004. Đến ngày 13 tháng 10 năm 2010, chị T với anh H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò. Chị T với anh H sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do anh H thường

xuên cờ bạc, ăn chơi không lo lắng cho gia đình, bất đồng quan điểm sống. Chị T đã nhiều lần khuyên can anh H bỏ cờ bạc nhưng anh H không thay đổi nên chị T không còn tình cảm gì với anh H. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với anh H được nữa. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T với anh H chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Thanh H1, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H với chị T do mai mối trước rồi mới quen biết nhau, có tổ chức đám cưới năm 2004 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò. Sau khi kết hôn với nhau, anh H với chị T sống hạnh phúc đến tháng 08 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và thật sự ly thân cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là trước đây anh H có chơi cờ bạc nhưng số tiền thắng cờ bạc cũng đem về lo cho gia đình. Anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H đồng ý ly hôn với chị T với điều kiện chị T phải giao cho anh H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Về con chung: Anh H với chị T chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2005, hiện cháu đang sống với chị T. Anh H đồng ý giao con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2005 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Chị Lê Thị T, anh Võ Thanh H chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát huyện Lập Vò, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2020 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị T cho rằng, chị và anh H kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, được công nhận là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T cho rằng giữa chị với anh H sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H. Tại phiên tòa, anh H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa. Anh H đồng ý ly hôn với chị T, với điều kiện chị T phải giao cho anh H 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thì anh H mới đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị T và anh H ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H sống chung với nhau có một con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2005, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H đồng ý giao con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2005 (Hiện đang sống với chị T), cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Theo tờ tự khai ngày 20/02/2020, thì cháu Võ Thanh H1 có nguyện vọng là được sống với mẹ. Nên Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H khỏi cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh H có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T. Cho chị Lê Thị T ly hôn với anh Võ Thanh H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005 (Hiện cháu H1 đang sống với chị T), anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T và anh Võ Thanh H có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Võ Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Lê Thị T nộp 300.000 đồng (Do chị Nguyễn Thị Yến Nga nộp thay) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0009284, ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Phước